

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/04/2026

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn V

Bà Trần Thị Kim D

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích H – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3- Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Y- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3- Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 867/2025/HNGĐ-ST ngày 10/12/2025 về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 395/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/03/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H– sinh năm 1996; CCCD: 025196000075; Nơi thường trú: Thôn F, xã C, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Xuân H1, sinh năm 1986; CCCD: 001086001604; Nơi thường trú: Số B M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội(địa chỉ sau sáp nhập: Số B M, phường T, thành phố Hà Nội);

Anh H1 đang chấp hành án tại Đội 40, phân trại 2 khu C, Trại giam S- xã T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1].*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lưu Xuân H1 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận H, Hà Nội vào ngày 20/06/2014(sau sáp nhập là phường T, Hà Nội). Quá trình sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, anh H1 thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình như

đánh chửi chị H dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020. Chị H cùng hai con về Phú Thọ sinh sống và làm việc. Thời gian này, anh H1 vi phạm pháp luật và bị kết án, sau đó anh H1 đi chấp hành án phạt tù tại Đội 40, phân trại 2 khu C, Trại giam S- xã T, tỉnh Nghệ An.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 3- Hà Nội giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung: Lưu Ngọc B, sinh ngày 14/06/2015 và Lưu Ngọc K, sinh ngày 10/06/2017. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị H đang làm việc tại Công ty TNHH I với mức thu nhập bình quân trên 10.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu gì khác.

[2]. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Lưu Xuân H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Xuân H1 nhất trí phần trình bày của chị H về thời gian kết hôn và quá trình chung sống.

Quá trình sống vợ chồng có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, chị H tự ý bỏ nhà về nhà mẹ đẻ nhiều lần mà không được sự đồng ý của anh. Anh H1 cũng xác định vợ chồng anh và chị H đã sống ly thân nhiều năm.

Nay chị H có nộp đơn ly hôn đơn phương tại Tòa án, anh H1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nhưng anh không đồng ý ly hôn chị H, anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H để anh được nuôi cả hai con chung.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung: Lưu Ngọc B, sinh ngày 14/06/2015 và Lưu Ngọc K, sinh ngày 10/06/2017. Mặc dù anh H1 đang chấp hành án tại Trại giam nhưng anh H1 vẫn có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh H1 không có yêu cầu gì khác.

[2]. Tại phiên tòa:

[2.1]. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm và các ý kiến như đã trình bày tại Tòa án như trên. Chị H xác định tình cảm không còn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Xuân H1.

Con chung: Chị H vẫn giữ nguyên vọng được nuôi con chung. Không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2]. Anh Lưu Xuân H1 đang chấp hành án tại Đội 40, phân trại 2 khu C, Trại giam S- xã T, tỉnh Nghệ An và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

[2.3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 3- Hà Nội có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Ngày 10/12/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội thụ lý vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại Khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 19/03/2026 Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc tổng đạt các quyết định và văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đảm bảo quy định tại Điều 177, 178, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về tổ chức phiên hòa giải và phiên họp công khai chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chấp hành đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Lưu Xuân H1.

Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lưu Xuân H1;

+ Về con chung: giao cả hai con chung Lưu Ngọc B, sinh ngày 14/06/2015 và Lưu Ngọc K, sinh ngày 10/06/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Lưu Xuân H1.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị **H** chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật: Chị **Nguyễn Thị Thu H** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn đối với Anh **Lưu Xuân H1**, sinh năm 1986; CCCD: 001086001604; Nơi thường trú: **Số B M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội** (địa chỉ sau sáp nhập: **Số B M, phường T, thành phố Hà Nội**); Anh **H1** đang chấp hành án tại Đội 40, phân trại 2 **khu C, Trại giam S- xã T, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp cụ thể là: “*tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Hà Nội.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Lưu Xuân H1** tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại **UBND phường M, quận H, Hà Nội** vào ngày 20/06/2014 (sau sáp nhập là **phường T, Hà Nội**). Vì vậy, hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng luôn có xô xát dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020. Chị **H** xác định không còn tình cảm với anh **H1** và chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H1**. Anh **H1** cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị **H** dẫn đến chị **H** đã tự ý nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh và chị **H** đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh **H1** xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị **H** không còn nhưng anh **H1** không đồng ý ly hôn chị **H**. Anh **H1** chỉ đồng ý ly hôn khi anh được nuôi các con chung.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **H** và anh **H1** là trầm trọng, anh chị đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau trong thời gian dài, mâu thuẫn kéo

dài, không hòa giải được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H** và xử cho chị **H** được ly hôn với anh **H1** là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị **H** và anh **H1** có 02 con chung: **Lưu Ngọc B**, sinh ngày 14/06/2015 và **Lưu Ngọc K**, sinh ngày 10/06/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, cả chị **H** và anh **H1** đều có nguyện vọng được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cha mẹ sinh con ra, ai cũng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, giáo dục đối với con chưa thành niên. Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng cũng cần phải xem xét để đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho các con chung.

Các con chung của chị **H** và anh **H1** từ khi sinh ra đều do chị **H** trực tiếp chăm sóc. Từ năm 2020 khi mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **H1** đỉnh điểm, chị **H** đã cùng với các con đã chuyển về nhà mẹ đẻ chị **H** tại Phú Thọ sinh sống. Chị **H** có công việc, có thu nhập, các con chung của anh **H1** và chị **H** đều đi học, ổn định cuộc sống tại Phú Thọ từ đó cho đến nay.

Anh **H1** hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại **Trại giam T- Nghệ An**.

Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định của việc học tập và sinh hoạt của con, cũng như đảm bảo con được quan tâm, chăm sóc tốt nhất, tránh sự xáo trộn cuộc sống, Hội đồng xét xử thấy giao cả hai con chung **Lưu Ngọc B** và **Lưu Ngọc K** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con, đảm bảo tốt về quyền lợi vật chất cũng như tinh thần và phát triển tâm sinh lý cho các con.

Cấp dưỡng nuôi con: chị **H** không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **H1**.

[2.3]. Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án chị **H** và anh **H1** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị **H** và anh **H1** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Án phí: chị **H** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: chị **H**, anh **H1** có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Thu H** đối với anh **Lưu Xuân H1**.

1. Chị **Nguyễn Thị Thu H** được ly hôn anh **Lưu Xuân H1**.

2. **Con chung:** Chị **H** và anh **H1** có 02 con chung: **Lưu Ngọc B**, sinh ngày 14/06/2015 và **Lưu Ngọc K**, sinh ngày 10/06/2017.

Giao cả hai con chung **Lưu Ngọc B** và **Lưu Ngọc K** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **H1** kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh **H1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. **Tài sản chung:** Chị **H**, anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về nợ chung:** Chị **H**, anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. **Án phí:** Chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp tại Biên lai số 0019334 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

6. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TANDTP Hà Nội;
 - VKSND Khu vực 3- Hà Nội;
 - Phòng THA Khu vực 3- HN;
 - UBNDP Tương Mai, Hà Nội
- (ĐKKH số 73/2014; quyền số 01/2014;
Ngày 20/06/2014);
- Dương sự;
 - Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hồng H

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Chi cục THA quận Hoàng Mai;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Mạnh Thành

